

中国—东盟语言文化重点研究基地丛书

认知语言学视域下的 汉越情感成语研究

NGHIÊN CỨU THÀNH NGỮ CHỈ TÂM LÝ TÌNH CẢM
TRONG TIẾNG HÁN VÀ TIẾNG VIỆT
TỪ GÓC ĐỘ NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN

韦长福◎著



中国出版集团



世界图书出版公司

中国—东盟语言文化重点研究基地丛书

认知语言学视域下的 汉越情感成语研究

NGHIÊN CỨU THÀNH NGỮ CHỈ TÂM LÝ TÌNH CẢM
TRONG TIẾNG HÁN VÀ TIẾNG VIỆT
TỪ GÓC ĐỘ NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN

韦长福◎著



中国出版集团



世界图书出版公司

图书在版编目 (CIP) 数据

认知语言学视域下的汉越情感成语研究 / 韦长福著.
—广州: 世界图书出版广东有限公司, 2015.12
ISBN 978-7-5192-0500-3

I. ①认… II. ①韦… III. ①汉语—成语—研究②越南语—成语—研究 IV. ①H136.3②H443

中国版本图书馆 CIP 数据核字 (2015) 第 305483 号

认知语言学视域下的汉越情感成语研究

策划编辑: 刘正武

责任编辑: 张东文

出版发行: 世界图书出版广东有限公司

(地址: 广州市新港西路大江冲 25 号 邮编: 510300)

网址: <http://www.gdst.com.cn>)

发行联系: 020-84451969 84459539 E-mail: pub@gdst.com.cn

经 销: 各地新华书店

印 刷: 广州佳盛印刷有限公司

版 次: 2015 年 12 月第 1 版 2015 年 12 月第 1 次印刷

开 本: 880 mm × 1230 mm 1/16

字 数: 265 千

印 张: 19.25

ISBN 978-7-5192-0500-3 / H · 1007

定 价: 45.00 元

版权所有 侵权必究

咨询、投稿: 020-84460251 gglzw@126.com

序言一

LỜI GIỚI THIỆU 1

Cuốn sách của Tiến sỹ Vi Trường Phúc (Wei Changfu) mà chúng ta có trong tay là một chuyên luận được hoàn thiện trên cơ sở luận án Tiến sỹ đã bảo vệ tại Đại học Quốc gia Hà Nội Việt Nam năm 2014.

Trong ngôn ngữ của bất kỳ một dân tộc nào thì thành ngữ cũng là một loại đơn vị đặc trưng, trong đó nó hàm chứa những yếu tố tư duy và văn hóa của dân tộc. Chính vì thế, từ lâu đơn vị thành ngữ đã trở thành đối tượng nghiên cứu trong nhiều ngôn ngữ khác nhau trên thế giới và được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Cuốn sách của Tiến sỹ Vi Trường Phúc xuất phát từ góc nhìn của ngữ nghĩa học tri nhận nhằm giải thích quá trình tạo thành nghĩa của những thành ngữ chỉ tâm lý tình cảm trong hai ngôn ngữ là tiếng Hán và tiếng Việt. Về bản chất, đây là cách tiếp cận giải thích cơ sở tri nhận (cách thức tư duy) để tìm hiểu đặc trưng tư duy của mỗi dân tộc thể hiện qua những phương thức ẩn dụ thành ngữ khác nhau giữa hai ngôn ngữ.

Trong chuyên luận, chúng ta thấy có một khối lượng đa dạng và phong phú về những thành ngữ chỉ tâm lý tình cảm của hai ngôn ngữ là tiếng Hán và tiếng Việt. Vì thế, những nhận định hay phân tích mà chuyên luận này nêu ra là khá tin xét về chất lượng nguồn ngữ liệu. Mặt khác, trên cơ sở thâm nhập khá nhuần nhuyễn những khái niệm của ngôn ngữ học tri nhận như tính nghiệm thân, miền tri nhận và không gian tri nhận cũng như xuất phát từ những lý thuyết về ẩn dụ ý niệm và pha trộn ý niệm, chuyên luận này đã mô

tả, phân tích các mô hình ánh xạ ẩn dụ và hoán dụ, mô hình pha trộn ý niệm trong cách thức kiến tạo nghĩa ẩn dụ ở các thành ngữ chỉ tâm lý tình cảm của hai ngôn ngữ là tiếng Hán và tiếng Việt một cách cụ thể và rõ ràng.

Kết quả mô tả và phân tích mà chuyên luận có được cho phép chúng ta thấy rằng ẩn dụ và hoán dụ ý niệm là phương thức tri nhận quan trọng để ngôn ngữ hình thành nên nét nghĩa biểu trưng của thành ngữ chỉ tâm lý tình cảm trong hai ngôn ngữ. Ở đó, ẩn dụ và hoán dụ tri nhận được coi như là quá trình tri nhận mà theo đó, ngôn ngữ dùng ý niệm thuộc miền tri nhận cụ thể nào đó ánh xạ vào miền tri nhận ý niệm tình cảm của cộng đồng. Chính vì thế, khi đọc những phân tích của chuyên luận này, chúng ta sẽ thấy cơ chế phổ quát về tư duy của nhận loại, đồng thời cũng thấy rõ tư duy đặc thù (hay văn hóa) của mỗi một dân tộc thông qua những tương đồng và khác biệt về cách thức ẩn dụ hay hoán dụ trong hai ngôn ngữ. Trên cơ sở đó, chúng ta cũng sẽ thấy trong quá trình hình thành nghĩa của các thành ngữ, có hai bước xử lý khác nhau. Trước hết là thông qua ánh xạ hoán dụ bộ phận thay cho tổng thể để tạo cho thành ngữ một nét nghĩa mới; sau đó thành ngữ sử dụng nét nghĩa mới này làm thành một lược đồ ý niệm để diễn đạt một ý niệm thuộc miền tri nhận khác không bao hàm ý niệm mà thành ngữ đã biểu trưng.

Chúng tôi cho rằng những kết quả nghiên cứu của chuyên luận mà chúng tôi nhận thức được là rất quan trọng đối với ngôn ngữ học tri nhận. Vì thế, chúng tôi thật sự vui mừng khi chuyên luận này đến được tay bạn đọc như là một tài liệu tham khảo hữu ích không chỉ cho những người nghiên cứu ngôn ngữ học mà cả những người giảng dạy về tiếng Hán và tiếng Việt của hai nước.

Trên tinh thần ấy, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu với quý bạn đọc công trình nghiên cứu của Tiến sỹ Vi Trường Phúc.

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2015

Trần Trí Dồi, Giáo sư Tiến sỹ

Khoa Ngôn ngữ học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

(越南河内国家大学语言学系 陈智睿 教授、博士)

序言二

LỜI GIỚI THIỆU 2

Trong khoảng hơn 10 năm trở lại đây, Ngôn ngữ học tri nhận nổi lên, trở thành một “trào lưu” của ngôn ngữ học ở Việt Nam. Cùng với việc giới thiệu lí thuyết ngôn ngữ học tri nhận trước đó, nhiều công trình nghiên cứu theo hướng vận dụng lí thuyết của ngôn ngữ học tri nhận vào nghiên cứu tiếng Việt hoặc tiếng Việt cùng các ngôn ngữ khác, nhất là tiếng Anh, đã được công bố dưới dạng sách chuyên khảo, bài báo, luận văn cao học, luận án tiến sĩ. Theo hướng này, chuyên khảo *Nghiên cứu thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm trong tiếng Hán và tiếng Việt từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận* của Tiến sĩ Vi Trường Phúc đã được hoàn thành trên cơ sở luận án tiến sĩ ngôn ngữ học mà tác giả đã bảo vệ thành công vào tháng 02 năm 2014 tại Trường Đại học Khoa học xã hội & nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

Với cấu trúc 8 chương, chuyên khảo đã tập trung vào những nội dung lớn từ cơ sở lí thuyết đến xử lí thực tế để làm nên một công trình khoa học có tính hệ thống, khoa học, gắn kết giữa các chương mục với tên của chuyên khảo. Dưới đây là những đóng góp khoa học chủ yếu của công trình này:

1) Tập trung làm rõ các khái niệm cốt lõi như miền tri nhận, không gian tâm trí, lược đồ hình ảnh, ẩn dụ ý niệm, hoán dụ ý niệm, pha trộn ý niệm liên quan đến các quan niệm của ngôn ngữ học tri nhận và ngữ nghĩa học tri nhận. Điều đáng nói ở đây là, tác giả đã tiếp thu được hai nguồn tiếp cận

ngôn ngữ học tri nhận phương Tây của ngôn ngữ học Trung Quốc và ngôn ngữ học Việt Nam. Nhờ đó, một số khái niệm vốn không dễ hiểu của ngôn ngữ học tri nhận đã được tường minh hóa.

2) Hệ thống hóa, phân tích những đặc điểm chung cũng như những đặc điểm đặc thù của thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm. Bằng sự hiểu biết thấu đáo ngôn ngữ văn hóa của cả Hán và Việt, tác giả đã so sánh, đối chiếu, chỉ ra những tương đồng và khác biệt của nhóm thành ngữ này giữa hai ngôn ngữ Hán và Việt. Đây là cơ sở quan trọng để xác định đối tượng nghiên cứu của đề tài.

3) Đưa ra được bức tranh khoa học nhưng sinh động về ngữ nghĩa của thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm trong tiếng Hán trong sự so sánh với tiếng Việt. Trong đó, chú trọng tới nghĩa thành ngữ từ góc nhìn của ngữ nghĩa học tri nhận cũng như các nhân tố chi phối nghĩa của thành ngữ.

4) Khảo sát miền nguồn của ánh xạ tri nhận trong thành ngữ, chuyên khảo đã tập trung phân tích nguồn gốc của các miền nguồn trong ẩn dụ, các miền nguồn thường gặp và cơ sở tri nhận cũng như cơ chế ánh xạ chúng vào miền ý niệm tình cảm. Nhờ việc thống kê, xử lí tư liệu công phu, tác giả đã chỉ ra rằng, trong thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm tiếng Hán và tiếng Việt đều sử dụng nhiều ẩn dụ ý niệm, các miền nguồn được sử dụng chủ yếu đề cập đến là: thời tiết và khí hậu, bộ phận cơ thể người, động vật và thực vật, nhiệt độ, màu sắc, phương hướng vị trí không gian, và những hoạt động xã hội và giới tự nhiên, v.v... Từ đó, tác giả tiến hành phân tích các miền nguồn được sử dụng khi ánh xạ vào các miền tâm lí tình cảm trong các thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm tiếng Hán và tiếng Việt.

5) Coi ẩn dụ và hoán dụ ý niệm là hai phương thức quan trọng để hình thành ngữ nghĩa của thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm, chuyên khảo đã không dàn trải mà tập trung khảo sát 4 miền vui, buồn, tức, sợ để đưa ra được các mô hình ẩn dụ và hoán dụ ý niệm tình cảm trong thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm tiếng Hán và tiếng Việt. Đồng thời, không tuyệt đối hóa sự lưỡng phân rạch ròi giữa ẩn dụ ý niệm và hoán dụ ý niệm, tác giả

cũng đã chỉ ra tính “chồng lấp” giữa chúng như một quá trình liên tục, tiệm tiến.

6) Pha trộn ý niệm trong thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm tiếng Hán và tiếng Việt là đóng góp quan trọng nhất của công trình này so với các công trình trước đó. Coi thuyết pha trộn ý niệm là một trong những nội dung lí thuyết có ảnh hưởng nhất trong việc giải thiết các cơ chế vận hành của ẩn dụ và là một thao tác tri nhận quan trọng để hình thành ý nghĩa ẩn dụ của thành ngữ, tác giả đã miêu tả, phân tích quá trình pha trộn ý niệm của ẩn dụ ý niệm tình cảm cũng như các mô hình và phương thức pha trộn ý niệm trong việc kiến tạo nghĩa của thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm trong thành ngữ tiếng Hán và tiếng Việt.

Với những nội dung khoa học đạt được như nêu ở trên, chuyên khảo này là một công trình khoa học nghiêm túc, có giá trị; xứng đáng là tài liệu cần thiết để giảng dạy ở bậc đại học, sau đại học và là tài liệu tham khảo quan trọng cho những người nghiên cứu giảng dạy ngôn ngữ học tri nhận, thành ngữ cũng như đối chiếu song ngữ Hán-Việt.

Là một giáo viên Trung Quốc giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ tại Trường Đại học dân tộc Quảng Tây, Trung Quốc, Tiến sĩ Vi Trường Phúc được đào tạo bài bản về ngôn ngữ học và tiếng Việt ở cả Trung Quốc và Việt Nam. Với tinh thần “dục tốc bất đạt”, Vi Trường Phúc cần mẫn, chất chiu kiến thức, bình tâm trong nghiên cứu và giảng dạy. Nhờ đó, anh đã dần thân vào một lĩnh vực nghiên cứu của ngôn ngữ học hiện đại, đó là ngôn ngữ học tri nhận với tất cả sự say mê, nhiệt huyết của mình và viết luận án tiến sĩ và chuyên khảo bằng tiếng Việt một cách nhuần nhuyễn, thành thạo.

Với tư cách là người đã từng tham gia giảng dạy, giúp đỡ anh và cộng tác nhiều năm với anh trong giảng dạy, trong biên soạn từ điển đối chiếu song ngữ Việt-Hán, Hán-Việt và đặc biệt là người phản biện luận án của Vi trường Phúc, tôi cảm mến sự cố gắng vượt bậc của anh về đời riêng để vươn lên trong khoa học, hoàn thành luận án và quý trọng những thành quả nghiên

cứu khoa học của anh ở công trình này.

Xin được trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2015

GIÁO SU' – TIỀN SĨ NGUYỄN VĂN KHANG

Tổng biên tập tạp chí “Ngôn ngữ & Đời sống”

Nguyên Phó Viện trưởng Viện Ngôn ngữ học

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

(越南社科院语言研究所原副所长、越南《语言与生活》

杂志总编辑 阮文康 教授、博士)

内容提要

本书以认知语言学有关体验性、心智空间、意象图式、概念隐喻、概念整合等理论和观点为出发点和落脚点,对汉语及越南语中情感成语的语义特点及其边缘意义的建构过程进行系统分析。本论题的研究不仅考察了汉越两个民族对内心世界认知的思维特征及其本质,而且也深入了解两种语言中情感成语隐喻意义的构建及理解的认知过程,为认知语言学的基本任务之一——语言的语义研究提供一定的佐证,也为发展和丰富认知语言学的研究范围做出一定的贡献。

7

本论题的基本目的是通过探究汉越情感成语语义构建过程中思维层面的概念映射和概念整合过程,深入了解汉越情感成语的语义认知特征,并以此为媒介,了解汉越情感成语的认知隐喻方式,为隐喻认知观及认知语义学提供支持性的证据。

本论题运用内省、对比、统计、隐喻批判分析等研究方法,对汉语及越南语中表达“喜”、“怒”、“哀”、“惧”四个情感域的成语的语义特征、语义建构模式及过程进行了认知分析,主要内容如下:

首先,综合概述了认知语言学及有关认知论的主要观点,阐述人们认知世界及语言表达过程的认知操作,并以此为基础提出分析汉越情感成语语义构建的认知框架,认为概念隐喻、概念转喻及概念整合是汉越情感成语语义构建的三个重要认知操作。

其次,采用原型范畴理论对汉语及越南语中的成语进行了界定,对两种语言中成语与其他固定语做出了区分;本书还分析了人类的基本情感,并以此为基础界定本论题的研究对象。

再次，分析成语的语义特征及其认知理据，综合考察了汉越情感成语的语义特点，包括语义结构、语义建构及表达模式、文化认知意义等。

然后，分析了汉越情感成语中作为隐喻构建材料的始源域及其映射到情感域的认知理据和机制，并分析了汉越情感成语中概念隐喻及概念转喻的模式及其认知理据，揭示汉越情感成语中情感概念隐喻的民族思维异同。

最后，在概念隐喻分析的基础上，首次探讨了汉越情感成语真实语义构建的概念整合过程，揭示了汉越情感成语真实语义的构建实质是成语心智空间的映射、互动和整合的过程。推理和凸显化认知是始源域心智空间和真实语境空间得以连接、冲洗、完善，最终得以整合的两个重要认知途径，而单域整合和双域整合是汉越情感成语隐喻概念得以构建的两个重要整合模式。

关键词：汉语；越南语；情感成语；认知；概念隐喻；概念整合

NỘI DUNG TRÍCH YẾU

Xuất phát từ những lí thuyết và quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận như lí thuyết về tính nghiệm thân, thuyết ẩn dụ ý niệm, thuyết pha trộn ý niệm, chúng tôi đã tiến hành phân tích một cách hệ thống đặc điểm ngữ nghĩa cũng như quá trình kiến tạo ngữ nghĩa thực tại (nghĩa ngoại biên) của thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm trong tiếng Hán và tiếng Việt. Nghiên cứu của chúng tôi không những tìm hiểu những đặc trưng và bản chất tư duy của người Hán và người Việt trong quá trình nhận thức về thế giới nội tâm, mà còn đi sâu tìm hiểu quá trình tri nhận trong việc kiến tạo và lí giải nghĩa ẩn dụ trong các thành ngữ đang xét trong hai ngôn ngữ, góp phần vào việc nghiên cứu ngữ nghĩa của ngôn ngữ—một trong những nhiệm vụ căn bản của ngôn ngữ học tri nhận, làm phát triển và phong phú thêm các luận đề nghiên cứu của ngôn ngữ học tri nhận.

Mục tiêu cơ bản của công trình này là đi sâu tìm hiểu những đặc trưng tri nhận về ngữ nghĩa của các thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm trong tiếng Hán và tiếng Việt, qua tìm hiểu sự ánh xạ ý niệm và pha trộn ý niệm trong quá trình kiến tạo nghĩa của thành ngữ đối tượng trong tư duy, và qua đó có thể nhìn nhận các phương thức ẩn dụ trong thành ngữ đối tượng dưới góc độ tri nhận, nhằm tìm những chứng cứ củng cố cho quan điểm tri nhận về ẩn dụ nói riêng và ngữ nghĩa học tri nhận nói chung.

Cuốn sách này áp dụng các phương pháp nghiên cứu như phương pháp nội quan, phân tích ẩn dụ phê phán, phân tích đối chiếu tương phản và thống kê tập trung phân tích các thành ngữ thuộc 4 miền tâm lí tình cảm VUI,

TỨC, BUỒN, SỢ.

Những kết quả đạt được

Trước hết, chúng tôi đã giới thiệu tổng quát về ngôn ngữ học tri nhận và những quan điểm cốt yếu về tri nhận luận và quá trình thao tác tri nhận trong sự nhận thức về thế giới cũng như trong biểu đạt ngôn ngữ. Từ cơ sở đó, chúng tôi đưa ra một khuôn khổ phân tích tri nhận về việc kiến tạo ngữ nghĩa của thành ngữ gồm phương thức ẩn dụ, hoán dụ và pha trộn ý niệm, và chúng tôi cho ẩn dụ, hoán dụ và pha trộn ý niệm là ba thao tác tri nhận quan trọng trong việc hình thành nghĩa của thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm.

Thứ hai, chúng tôi đưa ra quan điểm điển dạng để xác định khái niệm thành ngữ trong tiếng Hán và tiếng Việt, và phân biệt thành ngữ với các đơn vị “ngữ có sẵn” khác trong hai thứ tiếng. Chúng tôi cũng phân tích các miền tâm lí tình cảm cơ bản của con người, tiến tới xác định khái niệm thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm với tư cách là đối tượng nghiên cứu của đề tài.

10

Thứ ba, chúng tôi đã phân tích đặc trưng và cơ sở tri nhận của ngữ nghĩa thành ngữ, và phân tích một cách tổng quan về đặc điểm ngữ nghĩa của thành ngữ đối tượng trong tiếng Hán và tiếng Việt (phân tích các đặc điểm về cấu trúc ngữ nghĩa, phương thức cấu tạo và biểu đạt nghĩa, nghĩa văn hóa).

Thứ tư, chúng tôi đã phân tích các miền nguồn với tư cách là chất liệu của ẩn dụ cũng như cơ sở tri nhận của chúng khi được ánh xạ vào miền tri nhận tâm lí tình cảm; tiến tới phân tích cơ chế cũng như phương thức ẩn dụ và hoán dụ về ý niệm tình cảm trong thành ngữ tiếng Hán và tiếng Việt, cho thấy sự tương đồng và khác biệt về tư duy dân tộc trong việc kiến tạo các ẩn dụ tình cảm trong thành ngữ đang xét.

Thứ năm, trên cơ sở phân tích ẩn dụ ý niệm, chúng tôi đã phân tích quá trình pha trộn ý niệm trong việc hình thành nghĩa thực tại của thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm. Chúng tôi cho rằng, việc kiến tạo nghĩa thực tại của thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm qua phương thức ẩn dụ ý niệm thực chất là quá trình ánh xạ, tương tác và phóng chiếu giữa các không gian tâm trí. Nghiên cứu của chúng tôi còn cho thấy, phương thức loại suy và nổi trội hóa tri nhận là

hai phương thức pha trộn quan trọng để kết nối hai không gian miền nguồn và miền đích; mô hình pha trộn không gian trong ẩn dụ ý niệm tình cảm của thành ngữ đang xét chủ yếu là mô hình pha trộn đơn miền và mô hình pha trộn hai miền.

Từ Khóa: *tiếng Hán, tiếng Việt, thành ngữ chỉ tâm lý tình cảm, tri nhận, ẩn dụ ý niệm, pha trộn ý niệm*

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1: *Mối quan hệ ảnh xạ giữa LỬA và TÌNH CẢM*

Bảng 2: *Biểu hiện sinh lí của con người khi trải nghiệm tình cảm*

Bảng 3: *Hoán dụ PHẢN ỨNG SINH LÝ ĐẠI DIỆN CHO TÌNH CẢM trong thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm tiếng Hán*

Bảng 4: *Hoán dụ PHẢN ỨNG SINH LÝ ĐẠI DIỆN CHO TÌNH CẢM trong thành ngữ chỉ tâm lí tình cảm tiếng Việt*

Bảng 5: *Bộ phận cơ thể và tần số xuất hiện trong thành ngữ đang xét*

Bảng 6: *Tần số các bộ phận nội tạng trong thành ngữ thuộc các miền tình cảm trong tiếng Hán*

Bảng 7: *Tần số các bộ phận nội tạng trong thành ngữ thuộc các miền tình cảm trong tiếng Việt*

Bảng 8: *Tương quan bộ phận cơ thể với tình cảm theo học thuyết Đông y*

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1: Lô-gíc lược đồ bình chứa

Hình 2: Lược đồ trên-dưới

Hình 3: Lược đồ đường đi

Hình 4: Lược đồ tâm-biên

Hình 5: Lược đồ lực

Hình 6: Sơ đồ ánh xạ của ẩn dụ BÌNH CHỨA

Hình 7: Mô hình pha trộn ý niệm

Hình 8: Mạng lưới pha trộn ý niệm: Bác sĩ giải phẫu là tên đồ tể

Hình 9: Sơ đồ về đối xứng hình thức của thành ngữ

Hình 10: Sơ đồ về đối xứng ngữ nghĩa của thành ngữ

Hình 11: Ánh xạ dựa trên cơ sở sự tương tự

Hình 12: Sơ đồ tri giác Gestalt

Hình 13: Mạng lưới pha trộn không gian của ẩn dụ TÌNH CẢM LÀ

CHẤT LỎNG

Hình 14: Mạng lưới pha trộn không gian qua phương thức loại suy

Hình 15: Mô hình pha trộn nổi trội hóa trong hoán dụ tình cảm

目 录

第一章 绪论.....	1
一、选题的由来.....	1
二、研究目标及任务.....	5
三、研究语料范围.....	7
四、研究方法.....	10
五、研究的意义及创新之处.....	14
六、本书的结构布局.....	16
第二章 认知语言学及相关理论概要.....	19
第一节 认知语言学及认知语义学.....	19
第二节 体验性.....	22
第三节 认知域与心智空间.....	28
第四节 意象图式.....	33
第五节 概念隐喻.....	41
第六节 概念整合.....	48
第七节 本论题研究方向及分析框架.....	54
第三章 成语与情感成语.....	57
第一节 汉越语中成语的概念.....	57
一、汉语中的成语概念.....	57
二、越南语中的成语概念.....	63